

Thứ sáu, ngày 29 tháng 9 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index tiếp tục giằng co

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/9/2023		●	
Tuần 25/09-29/09/2023		●	
Tháng 10/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau một ngày giằng co quanh ngưỡng 1,155, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,154.15 điểm, tiếp tục đi ngang. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 7/18 ngành tăng điểm, cho thấy dòng tiền đang có xu hướng tập trung vào một số ngành nhất định. Mức tăng mạnh nhất hôm nay thuộc về ngành Bất động sản. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Hiện tại, VN-Index đang có xu hướng hình thành mô hình hai đỉnh, chỉ số cần vượt qua ngưỡng 1,170 để xác nhận xu hướng hồi phục.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30, trừ VN30F2310 và VN30F2311. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 29/9/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+1.72** điểm, đóng cửa **1154.15** điểm. HNX-Index **+1.85** điểm, đóng cửa **236.35** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+1.84)**, **VHM (+1.12)**, **VPB (+0.86)**, **BCM (+0.62)**, **VRE (+0.38)**.
- Kéo chỉ số giảm: **CTG (-0.94)**, **VCB (-0.7)**, **HPG (-0.43)**, **GAS (-0.38)**, **FPT (-0.38)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 12,000 tỷ đồng, giảm **-17.68%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13,960 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 14.11 điểm. Thị trường có **277** mã tăng, **61** mã tham chiếu, **212** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-536.92** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **CTG (-89.46 tỷ)**, **VCI (-76.54 tỷ)**, **HPG (-51.9 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **130.63** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **-0.20%**. Các mã diễn biến tích cực: **VRE (+2.55%)**, **VPB (+2.36%)**, **VHM (+2.25%)**.
- BSC50 **+0.55%**. Các mã diễn biến tích cực: **HUT (+6.52%)**, **GEG (+6.35%)**, **FRT (+4.46%)**.

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Bất động sản	2.04%	Thực phẩm và đồ	-0.31%
Truyền thông	1.13%	Hóa chất	-0.31%
Y tế	0.50%	Bảo hiểm	-0.43%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.48%	Dịch vụ tài chính	-0.61%
Du lịch và Giải trí	0.47%	Dầu khí	-0.82%
Xây dựng và Vật liệu	0.46%	Tài nguyên Cơ bản	-0.98%
Bán lẻ	0.19%	Công nghệ Thông	-1.18%
Điện, nước & xăng dầu khí	-0.04%	VNSML	0.32%
Ngân hàng	-0.07%	VNMID	0.26%
Hàng & Dịch vụ Công	-0.17%	VN30	0.16%
Ô tô và phụ tùng	-0.30%		

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1154.15**
Giá trị: 11999.54 tỷ **1.72 (0.15%)**
Khối ngoại (ròng): -536.92 tỷ

HNX-INDEX **236.35**
Giá trị: 1517.1 tỷ **1.85 (0.79%)**
Khối ngoại (ròng): 130.63 tỷ

UPCOM-INDEX **88.78**
Giá trị: 516.23 tỷ **0.34 (0.38%)**
Khối ngoại (ròng): -2.72 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	95.1	-1.48%
Giá vàng	1,865	-0.52%
Tỷ giá USD/VND	24,625	-0.55%
Tỷ giá EUR/VND	25,725	-0.18%
Tỷ giá JPY/VND	163	-0.29%
LS liên NH 1 tháng	1.2%	0.00%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-3.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DXG	24.33	CTG	-89.46
GAS	21.47	VCI	-76.54
FTS	18.23	HPG	-51.90
DGW	17.34	DPM	-47.12
MWG	14.76	FUEVFNVD	-40.32

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 28/09

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	91.61	-2.21%	2.20%	13.54%	13.91%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	95.12	-1.48%	1.95%	12.03%	11.28%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.51	-3.36%	-4.15%	-1.77%	8.57%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.94	1.57%	3.68%	-3.83%	-58.77%		
TTF Gas	EUR/MWh	39.74	1.12%	1.61%	12.90%	-78.83%		
Vàng	Ounce	1,864.95	-0.52%	-2.85%	-3.73%	12.33%		PNJ
Bạc	Ounce	22.61	0.41%	-3.29%	-8.57%	20.18%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,300.50	-0.21%	0.52%	-6.61%	-7.82%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	18.38	0.00%	0.00%	6.98%	-7.50%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	136.00	-0.51%	-2.58%	0.89%	1.42%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG
Đường	LB	26.73	2.30%	-0.74%	5.03%	44.96%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Ure	USD/T	427.75	0.06%	-1.10%	16.39%	-49.84%		DPM, DCM
Niken	LB	18,744.00	0.66%	-3.01%	-9.08%	-13.59%		PC1
Đồng	LB	3.69	1.98%	0.69%	-3.35%	7.51%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	3,090.00	0.00%	0.00%	13.19%	15.73%		CSV
Thép	CNY/ton	3,670.00	0.49%	-2.58%	-0.22%	-7.65%		HPG
Nhôm	Ton	2,285.00	2.10%	3.30%	5.37%	4.01%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Kết thúc phiên, giá dầu Brent kỳ hạn tháng 11 giảm 2.21%, xuống mức 91.61 USD/thùng. Dầu Brent hợp đồng tháng 11 sẽ hết hạn vào thứ Sáu. Dầu thô WTI giảm 1.48%, xuống mức 95.12 USD/thùng.
 - Giá dầu tương lai giảm khoảng 1% vào thứ Năm, do các nhà giao dịch chốt lời sau khi giá tăng lên mức cao nhất trong 10 tháng và một số lo ngại rằng lãi suất cao có thể ảnh hưởng đến nhu cầu dầu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay cuối phiên giảm 0.52% xuống 1,864.59 USD/ounce, mức thấp nhất kể từ tháng 3. Giá vàng kỳ hạn tháng 12 giảm 0.7% ở mức 1,878.60 USD.
 - Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng lên mức cao nhất trong 16 năm, làm giảm sức hấp dẫn của vàng.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 1 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) của Trung Quốc - kết thúc phiên tăng 0.89% lên 852 nhân dân tệ (116.66 USD)/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 10 trên Sàn giao dịch Singapore tăng 0.77% lên 117.45 USD/tấn.
 - Giá quặng sắt tăng vào thứ Năm, được hỗ trợ bởi dữ liệu sản lượng kim loại nóng của Trung Quốc tăng, ngay cả khi các nhà giao dịch thận trọng trước kỳ nghỉ lễ dài ngày tại quốc gia tiêu thụ quặng sắt hàng đầu thế giới - Trung Quốc, bắt đầu từ 29 tháng 9.

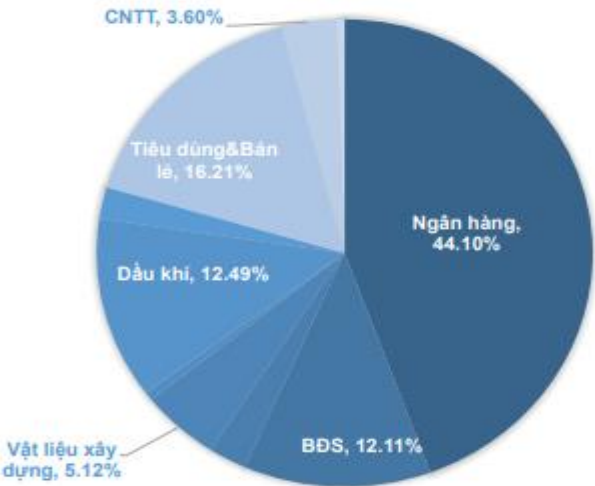
Giá hàng hóa khác

- Giá gạo Ấn Độ và Việt Nam tuần này vững, trong khi gạo Thái Lan tăng nhẹ.
 - Giá gạo đồ 5% tấm của Ấn Độ vững ở mức 525-535 USD/tấn trong 3 tuần liên tiếp.
 - Gạo 5% tấm của Việt Nam tuần này cũng vững ở mức 610-620 USD/tấn nhưng hoạt động giao dịch thưa thớt do các thương nhân đang chờ thị trường ổn định hơn nữa.
 - Giá gạo 5% tấm của Thái Lan tăng tuần này lên 590-607 USD/tấn từ mức 605 USD vào tuần trước do sự biến động này là do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	87.5	-0.6%	0.9	20,055	1.6	5,797	15.1	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	44.4	0.0%	0.8	9,200	1.0	4,025	11.0	54,578	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	21.7	2.4%	1.1	5,974	7.5	1,727	12.6	23,685	16.5%	Link
TCB	Ngân hàng	33.6	0.0%	1.6	4,854	4.0	5,059	6.7	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	18.5	0.0%	1.5	3,956	3.2	3,496	5.3	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.6	-0.3%	1.2	2,370	15.4	3,600	8.5	31,200	22.6%	Link
GVR	BĐS KCN	19.5	-0.5%	1.9	3,199	1.6	714	27.3	19,100	0.4%	Link
KBC	BĐS KCN	32.1	-1.4%	1.6	1,010	5.9	4,368	7.3	42,500	20.8%	Link
IDC	BĐS KCN	46.3	-0.9%	1.6	627	4.1	3,969	11.7	45,900	12.3%	Link
VGC	BĐS KCN	46.4	-3.3%	1.8	853	0.9	2,651	17.5	-	5.4%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	26.3	-1.1%	2.1	6,271	16.2	(328)	-80.1	23,300	25.1%	Link
VHM	Bất động sản	45.5	2.2%	1.1	8,125	13.6	10,341	4.4	79,900	24.2%	Link
VRE	BĐS	26.1	2.6%	1.0	2,432	5.0	1,588	16.4	38,900	32.5%	Link
KDH	BĐS	32.6	-0.3%	1.8	960	0.9	1,280	25.5	44,100	38.6%	Link
NLG	BĐS	35.0	-1.5%	1.7	551	2.6	1,582	22.1	46,100	41.6%	Link
DGC	Hóa chất	93.5	-0.4%	1.8	1,456	10.4	10,728	8.7	85,000	15.3%	Link
DPM	Phân bón	36.9	-0.3%	1.0	592	3.8	6,403	5.8	41,000	12.4%	Link
DCM	Phân bón	32.8	-0.2%	1.3	711	2.5	4,286	7.6	36,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	90.7	-0.9%	0.6	8,543	2.2	5,567	16.3	110,500	2.5%	Link
PLX	Dầu khí	37.5	-0.7%	0.9	1,954	0.7	2,125	17.6	45,000	17.1%	Link
PVS	Dầu khí	38.6	-2.3%	1.1	757	9.9	1,953	19.8	38,500	20.6%	Link
PVD	Dầu khí	25.8	-1.3%	1.1	588	2.5	449	57.5	29,000	21.8%	Link
POW	Tiện ích	11.6	0.9%	0.9	1,114	2.6	602	19.3	14,500	5.5%	Link
VNM	F&B	74.2	-0.8%	0.4	6,359	4.3	3,935	18.9	81,700	55.3%	Link
MSN	F&B	76.3	-0.3%	1.3	4,477	4.0	916	83.3	27,700	29.8%	Link
MWG	Bán lẻ	52.6	-0.8%	1.8	3,155	10.7	1,069	49.2	63,800	48.4%	Link
PNJ	Bán lẻ	78.8	0.4%	0.7	1,060	0.4	5,503	14.3	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	78.9	1.8%	0.9	593	3.6	7,080	11.1	90,900	31.0%	Link
GMD	Logistics	66.3	0.8%	0.5	832	3.8	7,470	8.9	57,000	47.5%	Link
FPT	Công nghệ	92.8	-1.3%	0.6	4,833	6.2	4,573	20.3	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	30.0	-2.60%	1.1	5,922	6.6	3,664	8.2	1.3	27.4%	16.1%
ACB	Ngân hàng	21.8	0.5%	1.1	3,480	2.1	3,722	5.9	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	17.4	0.3%	0.8	2,058	7.4	2,765	6.3	1.3	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	13.8	1.8%	1.3	1,453	1.4	1,410	9.8	1.4	2.3%	15.9%
VIB	Ngân hàng	19.4	0.0%	1.2	2,013	2.0	3,534	5.5	1.5	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	21.0	-0.2%	1.9	1,049	15.0	467	45.0	1.7	23.3%	3.8%
TPB	Ngân hàng	17.8	-1.1%	1.0	1,612	2.9	2,697	6.6	1.3	29.9%	19.8%
SSI	chứng khoán	31.8	-1.5%	1.6	1,955	26.1	1,090	29.2	2.2	44.1%	9.0%
CII	Xây dựng	19.3	2.7%	1.7	225	6.1	318	60.7	7.8	8.2%	2.6%
C4G	Xây dựng	12.9	0.8%	2.0	0	0.7	445	29.0	1.3	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	47.8	-1.0%	2.0	194	0.6	681	70.2	0.6	33.8%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.8	-0.9%	1.7	213	3.7	919	17.1	0.6	6.3%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.2	0.4%	2.1	94	2.2	482	25.2	0.9	2.1%	3.8%
BCM	KCN	69.5	3.4%	0.7	2,950	0.5	418	166.3	4.1	2.4%	1.7%
HUT	KCN	24.5	6.5%	1.5	897	7.3	56	433.6	6.0	0.0%	1.3%
PHR	KCN	47.4	-0.6%	1.3	263	0.6	6,568	7.2	1.8	16.4%	26.9%
SZC	KCN	35.4	-0.3%	1.8	174	1.4	1,405	25.2	2.6	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	20.0	-1.5%	2.3	505	6.9	(2,105)	-9.5	1.2	21.1%	2.3%
HT1	Vật liệu	13.6	1.5%	1.6	214	0.2	176	77.6	1.1	2.9%	1.3%
NKG	Vật liệu	19.8	-0.8%	2.5	213	4.0	(2,655)	-7.4	1.0	10.4%	13.5%
PTB	Vật liệu	58.3	-1.2%	1.0	160	0.6	5,309	11.0	1.4	19.3%	13.4%
KSB	Vật liệu	27.4	-0.7%	1.7	86	1.5	1,482	18.5	1.1	1.9%	5.8%
NVL	BĐS	15.6	-1.0%	1.5	1,248	8.7	(295)	-52.8	0.8	3.6%	1.9%
DXG	BĐS	18.9	-0.5%	2.7	473	9.0	(317)	-59.6	0.8	20.4%	3.4%
HDC	BĐS	30.8	-1.0%	1.0	171	2.1	2,190	14.1	2.2	2.1%	16.9%
DIG	BĐS	25.1	2.4%	2.4	628	17.5	152	164.9	2.0	5.3%	1.1%
IJC	BĐS	14.6	-0.7%	2.1	150	0.6	1,597	9.1	1.0	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	21.8	1.0%	1.4	0	7.9	1,596	13.7	1.3	0.0%	9.7%
PVT	Dầu khí	28.3	0.4%	0.7	376	3.4	2,993	9.5	1.1	11.9%	16.4%
PLC	Vật liệu	33.8	1.2%	1.6	112	0.1	1,353	25.0	2.2	1.3%	8.5%
DRC	Săm lốp	23.0	-0.6%	1.2	112	0.1	1,980	11.6	1.6	12.3%	13.5%
REE	Tiện ích	63.2	-0.5%	0.7	1,059	0.9	6,445	9.8	1.3	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	20.8	-0.7%	1.9	726	15.2	384	54.1	0.9	12.5%	5.4%
NT2	Tiện ích	24.5	1.7%	0.6	289	0.4	2,560	9.6	1.5	15.2%	16.2%
HDG	Bất động sản	28.2	-0.5%	1.8	353	1.3	2,739	10.3	1.3	22.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	30.9	0.8%	1.6	343	3.5	944	32.7	1.5	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	15.9	6.4%	1.0	222	2.5	636	25.0	1.0	37.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	9.9	0.4%	2.5	216	2.3	(79)	-125.7	0.4	1.8%	0.3%
SAB	F&B	72.5	0.1%	0.1	3,813	1.1	3,518	20.6	3.8	31.0%	18.7%
QNS	F&B	49.2	1.4%	0.5	0	1.1	4,965	9.9	2.3	16.0%	24.3%
FRT	Bán lẻ	89.0	4.5%	1.5	497	5.9	(327)	-271.9	7.6	35.3%	11.8%
DGW	Bán lẻ	57.9	1.8%	2.2	397	5.2	2,984	19.4	4.4	21.9%	21.9%
DBC	F&B	21.9	-0.7%	2.1	217	1.7	551	39.8	1.1	5.6%	2.9%
PET	Bán lẻ	27.7	1.8%	2.4	121	0.8	837	33.1	1.5	0.0%	5.7%
BAF	F&B	22.4	0.2%	1.1	132	1.9	1,225	18.2	1.9	0.3%	10.2%
ANV	Thủy sản	36.0	0.0%	1.7	196	4.1	2,162	16.7	1.8	4.1%	10.0%
VSC	Logistics	28.7	0.2%	0.3	157	1.4	1,370	21.0	1.2	2.9%	7.9%
HAH	Logistics	38.8	0.3%	1.2	168	5.0	5,742	6.8	1.3	23.8%	24.6%
CTR	Công nghệ	77.9	1.7%	1.5	365	1.2	4,238	18.4	5.4	10.0%	32.1%
TNG	Dệt may	20.3	2.5%	1.6	94	1.6	2,353	8.6	1.5	19.1%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_ Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639